

**ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN**

(Đề thi có 2 trang)

GIỮA KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027**MÔN: VẬT LÝ - LỚP 10***Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian phát đề**Phát hành ngày 15/10/2026*

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề: L10.GK1.028**TRẮC NGHIỆM****Câu 1.** Gia tốc của một vật được định nghĩa là

- A. vận tốc chia cho thời gian chuyển động.
- B. độ biến thiên vận tốc chia cho khoảng thời gian xảy ra biến thiên đó.
- C. độ biến thiên quãng đường chia cho thời gian.
- D. quãng đường chia cho bình phương thời gian.

Câu 2. Phép đo điện trở cho giá trị trung bình $1,50\ \Omega$ với sai số $0,03\ \Omega$. Cách ghi kết quả nào đúng?

- A. $R = 1,462 \pm 0,03\ \Omega$
- B. $R = 1,50\ \Omega$
- C. $R = 1,50 \pm 0,03$
- D. $R = 1,50 \pm 0,03\ \Omega$

Câu 3. Tốc độ trung bình của một vật được định nghĩa là

- A. tổng quãng đường đi được chia cho tổng thời gian đi hết quãng đường đó.
- B. độ lớn độ dịch chuyển chia cho tổng thời gian.
- C. trung bình cộng tốc độ của các chặng.
- D. trung bình cộng của tốc độ lớn nhất và tốc độ nhỏ nhất.

Câu 4. Thấy tay còn ướt khi thao tác với bảng điện, cách xử lý đúng là

- A. Đẩy nắp lọ cồn và để xa ngọn lửa.
- B. Ngừng dùng dây và thay dây khác.
- C. Dựng bình vào giá và cố định lại.
- D. Lau khô tay trước khi thao tác.

Câu 5. Thả rơi tự do một viên bi từ trạng thái nghỉ, lấy $g = 10\ \text{m/s}^2$. Sau 4 s rơi, vận tốc của nó bằng

- A. 40 m/s
- B. 10 m/s
- C. 160 m/s
- D. 80 m/s

Câu 6. Thao tác nào sau đây vi phạm quy tắc an toàn?

- A. Khu vực có chất dễ cháy, không mang nguồn lửa lại gần.
- B. Ngừng dùng dây ấy và báo để thay dây khác.
- C. Kéo dây để rút phích cắm ra khỏi ổ.
- D. Coi chùng điện áp nguy hiểm, không chạm vào phần dẫn điện để hở.

Câu 7. Nội dung nào sau đây là đối tượng nghiên cứu của Vật lý?

- A. các dạng vận động của vật chất và năng lượng
- B. cấu tạo và hoạt động của cơ thể sống
- C. phản ứng tạo chất mới từ các chất ban đầu
- D. quy luật lên xuống của giá cả thị trường

Câu 8. Việc “chọn đồng hồ đo thời gian hiện số và cổng quang điện cho phép đo” thuộc bước nào trong tiến trình tìm hiểu tự nhiên?

- A. Thực hiện kế hoạch, thu thập số liệu
 B. Hình thành giả thuyết
 C. Lập kế hoạch kiểm tra giả thuyết
 D. Rút ra kết luận, báo cáo

Câu 9. Khi mô hình hoá bài toán dừng xe, quãng đường dừng gồm những phần nào?

- A. Chỉ quãng đường xe đi từ lúc bắt đầu đạp phanh.
 B. Quãng đường xe chạy trong thời gian người lái phản ứng, cộng quãng đường xe đi khi đang hãm.
 C. Chỉ quãng đường xe chạy trong thời gian phản ứng.
 D. Quãng đường phản ứng nhân với quãng đường hãm.

Câu 10. Một cảm biến dịch chuyển có thể vừa **lệch điểm không** vừa **sai hệ số thang đo**: trong miền làm việc, số chỉ thị và chiều dài thật liên hệ với nhau bởi $r = aL + b$ ($a > 0$, a, b đều chưa biết). Kỹ thuật viên đo lặp ba lần mỗi đối tượng:

Dãy đo	Số chỉ thị (mm)
Chuẩn 0 (không tải): r_0	0, 3 0, 3 0, 34
Chuẩn chiều dài L_S : r_S	52, 48 52, 48 52, 5
Chi tiết cần kiểm: r_X	20, 32 20, 34 20, 34

Chuẩn chiều dài có $L_S = 47$ mm (sai số của chuẩn nhỏ hơn mức hiển thị, bỏ qua). Độ chia nhỏ nhất của cảm biến là $\delta = 0,02$ mm. **Quy ước lập khoảng chỉ thị.** Với mỗi dãy, lấy c là giá trị trung bình, Δ bằng **độ lệch tuyệt đối trung bình cộng nửa độ chia** khoảng chỉ thị là $[c - \Delta; c + \Delta]$. Ba khoảng của ba dãy coi là độc lập. **Quy ước báo cáo và nghiệm thu.** Hai cận của khoảng L_X được làm tròn **hướng ra ngoài** đến 0,01 mm (cận dưới làm tròn xuống, cận trên làm tròn lên). Chi tiết chỉ được công nhận **đạt** khi **toàn bộ** khoảng ấy nằm trong dung sai $[17,95; 18,1]$ mm. Báo cáo nào đúng?

- A. $L_X \in [18,03; 18,04]$ mm — **đạt** dung sai
 B. $L_X \in [18; 18,07]$ mm — **đạt** dung sai
 C. $L_X \in [17,99; 18,08]$ mm — **đạt** dung sai
 D. $L_X \in [18,18; 18,24]$ mm — **đạt** dung sai